

Số: /GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng 6 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Việt Úc - Ninh Phước tại Văn bản số 08/2026/VB-VUNP ngày 20 tháng 05 năm 2026 về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu sản xuất, kinh doanh tôm giống công nghệ cao” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 401/TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 02 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Việt Úc - Ninh Phước, địa chỉ tại thôn Tuấn Tú, xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu sản xuất, kinh doanh tôm giống công nghệ cao” tại xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu sản xuất, kinh doanh tôm giống công nghệ cao.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500575155 đã được Phòng Quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính, tỉnh Ninh Thuận (trước đây) nay là tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2014 và thay đổi lần thứ 05 ngày 10 tháng 03 năm 2026.

1.4. Mã số thuế: 4500575155.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, kinh doanh tôm giống công nghệ cao.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: 234.682,10m².

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*)

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất sản xuất: 1,0 tỷ con giống/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất: Tôm bố mẹ → Hồ nuôi → Phôi giống → Chọn tôm bố mẹ → Đẻ, ấp trứng → Nauplius → Zoea → Mysis → Post → Xuất bán.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Việt Úc - Ninh Phước được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Việt Úc - Ninh Phước có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Dự án nêu trên; đồng thời bảo đảm rằng các nội dung và yêu cầu về bảo vệ môi trường được quy định tại các Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Chủ dự án;
- Các sở: NNMT, CT, XD;
- UBND xã Phước Dinh;
- TT Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KT;
- Lưu: VT, HT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 979/QĐ-SNNMT ngày 19/11/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh hàng ngày của nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ các hoạt động sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước thải tập trung của vùng sản xuất giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao An Hải, sau đó chảy ra vùng biển ven bờ tại xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại Hồ ga quan trắc của Dự án đầu nối vào hệ thống thoát nước thải tập trung của Vùng sản xuất giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao *An Hải*, xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa.

- *Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 1274636$, $Y(m) = 5828311$ (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).*

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng xả nước thải lớn nhất của Dự án đầu tư được lấy bằng công suất hệ thống xử lý nước thải là $400 m^3/ngàyđêm$, tương đương $16,67 m^3/giờ$.

2.4. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý tại Hồ ga quan trắc theo ống dẫn uPVC D140 đầu nối vào hồ ga của hệ thống thoát nước thải tập trung của khu vực theo phương thức dùng bơm.

2.5. Chế độ xả nước thải: xả cưỡng bức (dùng bơm).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q=1,3$, $K_f=1,1$ cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2031, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT, cột B kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Đến hết ngày 31/12/2031	Kể từ ngày 01/01/2032		
1	pH	-	5,5-9,0	6,0-9,0	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	71,5	60		
3	COD	mg/l	214,5	90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	143	80		
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	57,2	40		
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	8,58	14		
7	Tổng coliform	vi khuẩn/100ml	5.000	5.000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh (*nhà nghỉ nhân viên và khách, trại sản xuất,...*) sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn cùng với nước rửa tay từ các lavabo sẽ theo đường ống PVC D200, D220 tự chảy về các hố ga thu gom nước thải và kết nối với hệ thống thu gom nước thải sản xuất bằng đường ống PVC D220, D250 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án đầu tư.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ hoạt động sản xuất, thay nước, vệ sinh trại,... được thu gom bằng đường ống PVC D220, D250, đặt âm dưới đất về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án đầu tư.

Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Dự án đầu tư là tuyến ống nhựa PVC có đường kính D200, D220, D250,

đặt ngầm. Tổng chiều dài tuyến thu gom nước thải chung của Dự án là $L=375\text{m}$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất → Ao chứa, lắng cặn → Bể điều hòa - Lọc cơ học → Bể lọc sinh học → Bể khử trùng → Hố ga quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: Công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải của Dự án đầu tư là $400\text{ m}^3/\text{ngàyđêm}$

- Hóa chất sử dụng: hóa chất Chlorine để khử trùng nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; quan trắc định kỳ:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Khi xảy ra sự cố đối với nước thải, tiến hành rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành hệ thống để xác định nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục, cải tạo công trình xử lý, đồng thời báo với cơ quan có chức năng để phối hợp, quản lý.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải qua các công đoạn xử lý để đánh giá hiệu quả, phát hiện các sự cố và kịp thời khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03-06 tháng (*Chủ dự án phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm*).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí lấy mẫu, bao gồm:

- 01 vị trí nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

- 01 vị trí nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 mẫu đơn nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Công ty TNHH Việt Úc - Ninh Phước chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
 ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	50
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	20
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (bóng đèn LED thải,...)	16 01 13	40
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	20
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	40
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	40
7	Bao bì cứng thải bằng thủy tinh	18 01 04	20
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	40
9	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	30
Tổng cộng			300

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất (bao bì; chai lọ đựng thức ăn, thuốc và các thùng xốp, giấy carton)	2.200
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	1.000
Tổng cộng		3.200

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	5,47
Tổng cộng		5,47

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho lưu giữ CTNH: 01 kho, có diện tích 15 m².
- Thiết kế, cấu tạo: có tường gạch, mái che, nền bê tông, có gờ tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Kho chứa được dán biển cảnh báo, phân loại và dán nhãn chất thải nguy hại theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 kho, có diện tích 8,0 m².
- Thiết kế, cấu tạo: có mái che, nền phủ bạt HDPE.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

- Không có kho lưu chứa riêng chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, lưu chứa trong các thùng chứa rác chuyên dụng, có nắp đậy.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định. Nội dung kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phải phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; tổ chức công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 3**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn về đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Các nội dung còn lại, tiếp tục thực hiện theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 26/09/2018 và theo quy định hiện hành.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường.
2. Đảm bảo việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Thực hiện công khai thông tin về giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND xã Phước Dinh (nơi thực hiện dự án) theo quy định tại Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.
4. Tổ chức thực hiện việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 gửi kết quả báo cáo định kỳ về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Phước Dinh theo quy định.
5. Trường hợp các văn bản pháp luật áp dụng tại giấy phép môi trường được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định pháp luật mới ban hành.